

THỎA THUẬN TOÀN CẦU VỀ Ô NHIỄM NHỰA: DIỄN BIẾN ĐÀM PHÁN VÀ HÀM Ý KINH TẾ - XÃ HỘI ĐỐI VỚI VIỆT NAM

Nguyễn Thị Thúy¹, Vũ Đình Hiếu¹

¹Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển

Tóm tắt

Thỏa thuận toàn cầu về ô nhiễm nhựa đang được đàm phán trong bối cảnh ô nhiễm nhựa trở thành thách thức môi trường, kinh tế và xã hội có tính xuyên biên giới. Trên cơ sở tổng hợp tài liệu UNEP/INC, báo cáo của Đoàn Việt Nam tại các phiên đàm phán và các nghiên cứu quốc tế, bài báo phân tích diễn biến đàm phán, các nhóm nội dung chính sách dự kiến của Thỏa thuận và hàm ý kinh tế - xã hội đối với Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tiến trình đàm phán đã xác lập cách tiếp cận quản lý toàn bộ vòng đời nhựa; tuy nhiên, khác biệt giữa các nhóm quốc gia vẫn tập trung ở phạm vi ràng buộc, sản xuất polymer nguyên sinh, sản phẩm nhựa có vấn đề, hóa chất đáng quan ngại, cơ chế tài chính và chuyển giao công nghệ. Đối với Việt Nam, Thỏa thuận tạo áp lực tuân thủ đối với doanh nghiệp và hệ thống quản lý, đồng thời mở ra dư địa chuyển đổi sang kinh tế tuần hoàn, nâng cấp EPR, phát triển công nghiệp tái chế và nâng cao năng lực cạnh tranh xanh. Bài báo kiến nghị Việt Nam cần chuẩn bị sớm về pháp luật, dữ liệu, tiêu chuẩn kỹ thuật, tài chính, công nghệ và cơ chế phối hợp liên ngành nhằm nâng cao vị thế đàm phán và hiệu quả thực thi.

Từ khóa: Ô nhiễm nhựa, Thỏa thuận toàn cầu, INC, tác động kinh tế - xã hội, Việt Nam.

GLOBAL PLASTICS TREATY: NEGOTIATION DYNAMICS AND SOCIO-ECONOMIC IMPLICATIONS FOR VIET NAM

Abstract

The Global Plastics Treaty is being negotiated in response to plastic pollution as a transboundary environmental, economic and social challenge. Based on UNEP/INC documents, Vietnamese delegation reports and international studies, this paper analyses negotiation dynamics, emerging policy contents and socio-economic implications for Viet Nam. The findings show that the negotiations have established a life-cycle approach to plastics, while major divergences remain over legal obligations, primary plastic polymers, problematic plastic products, chemicals of concern, finance, technology transfer and compliance. For Viet Nam, the treaty may generate compliance costs for enterprises and public authorities, but also offers opportunities to accelerate circular economy, improve EPR, expand recycling markets and strengthen green competitiveness. The paper recommends that Viet Nam prepare early in terms of legal framework, data systems, technical standards, finance, technology and inter-agency coordination.

Keywords: Plastic pollution, Global Plastics Treaty, INC; socio-economic impacts, Viet Nam.

JEL Classifications: Q53, Q54, Q55, Q56, Q58.

1. MỞ ĐẦU

Ô nhiễm nhựa đã vượt ra khỏi phạm vi của một vấn đề quản lý chất thải thông thường để trở thành thách thức phát triển bền vững có tính toàn cầu. Theo OECD, năm 2019 thế giới sử dụng khoảng 460 triệu tấn nhựa và phát sinh khoảng

353 triệu tấn chất thải nhựa; tỷ lệ tái chế còn thấp so với tốc độ gia tăng sản xuất và tiêu dùng [1].

Theo UNEP, năm 2024 thế giới dự kiến tiêu thụ trên 500 triệu tấn nhựa và phát sinh khoảng 400 triệu tấn chất thải nhựa; trong trường hợp thiếu các biện pháp can thiệp hiệu quả, lượng chất thải nhựa toàn cầu có thể tăng gần gấp ba

lần, đạt khoảng 1,2 tỷ tấn vào năm 2060 [5].

Đối với Việt Nam, tài liệu Bộ Công Thương năm 2023 cho thấy ngành nhựa có khoảng 3.300 doanh nghiệp với hơn 250.000 lao động; sản phẩm nhựa được xuất khẩu sang 146 thị trường, trong đó có các thị trường lớn như Hoa Kỳ, Nhật Bản, ASEAN và EU [20].

Việc Đại hội đồng Môi trường Liên hợp quốc thông qua Nghị quyết 5/14 năm 2022 đã tạo cơ sở cho tiến trình xây dựng một công cụ quốc tế có tính ràng buộc pháp lý về ô nhiễm nhựa, bao gồm ô nhiễm nhựa trong môi trường biển [3].

Từ đó đến nay, Ủy ban Đàm phán liên Chính phủ (INC) đã tổ chức nhiều phiên họp nhằm xây dựng văn kiện Thỏa thuận; quá trình này đồng thời cho thấy sự khác biệt lớn giữa các nhóm quốc gia về phạm vi điều chỉnh, mức độ ràng buộc, sản xuất polymer nguyên sinh, quản lý sản phẩm nhựa, hóa chất, cơ chế tài chính và hỗ trợ thực thi [5].

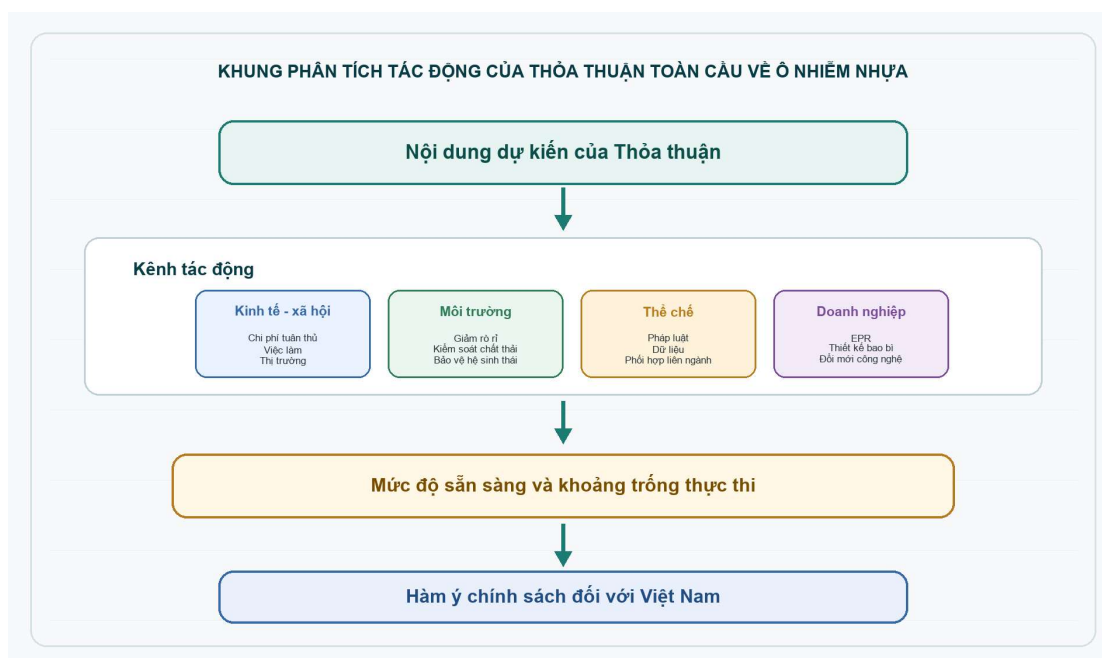
Đối với Việt Nam, tiến trình này có ý nghĩa chiến lược. Việt Nam có tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa, tiêu dùng nhựa và thương mại quốc tế tăng nhanh; đồng thời là quốc gia ven biển với hệ thống sông ngòi, đô thị, du lịch biển và chuỗi sản xuất - tiêu dùng chịu áp lực lớn từ rác thải nhựa. Việc tham gia và thực thi Thỏa thuận toàn cầu vì vậy không chỉ là yêu cầu hội nhập quốc tế, mà còn là động lực thúc đẩy chuyển đổi mô hình quản lý nhựa theo hướng kinh tế tuần hoàn, giảm phát sinh chất thải và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu tập trung làm rõ ba vấn đề: (i) diễn biến đàm phán Thỏa thuận toàn cầu về ô nhiễm nhựa và các nhóm nội dung chính sách đang hình thành; (ii) kênh tác động kinh tế, xã hội, môi trường và thể chế đối với Việt Nam; và (iii) các điều kiện cần chuẩn bị để Việt Nam chủ động trong đàm phán và nâng cao hiệu quả thực thi sau khi Thỏa thuận được thông qua.

Phạm vi	Chỉ dấu	Số liệu	Hàm ý phân tích
Toàn cầu	Nhựa tiêu thụ năm 2024	trên 500 triệu tấn	Cho thấy quy mô rất lớn của dòng vật liệu nhựa
Toàn cầu	Chất thải nhựa năm 2024	khoảng 400 triệu tấn	Áp lực quản lý chất thải tiếp tục tăng mạnh
Toàn cầu	Dự báo chất thải nhựa năm 2060 nếu không can thiệp	khoảng 1,2 tỷ tấn	Hàm ý cần chuyển đổi hệ thống, không chỉ xử lý cuối đường ống
Toàn cầu	Tỷ lệ nhựa được tái chế cơ học	khoảng 9%	Tái chế hiện chưa đủ để giải quyết ô nhiễm nếu thiếu giảm phát sinh và thiết kế lại
Việt Nam	Quy mô doanh nghiệp ngành nhựa	khoảng 3.300 doanh nghiệp	Cho thấy phạm vi tác động rộng đến khu vực sản xuất, bao bì, gia dụng, xây dựng và kỹ thuật
Việt Nam	Lao động trong lĩnh vực nhựa	hơn 250.000 lao động	Hàm ý chính sách cần tính đến việc làm, đào tạo lại và chuyển đổi công bằng
Việt Nam	Thị trường xuất khẩu sản phẩm nhựa	146 thị trường	Nghĩa vụ mới có thể tác động đến tiêu chuẩn bao bì, truy xuất và yêu cầu thị trường xuất khẩu
Việt Nam	Cơ cấu nguyên liệu nhựa	trong nước sản xuất PVC, PP, PET, PS; vẫn nhập khẩu đáng kể nguyên liệu	Cần đánh giá tác động đến cung ứng nguyên liệu, polymer nguyên sinh và vật liệu tái sinh

Hình 1. Một số chỉ dấu thực tiễn về ô nhiễm nhựa toàn cầu và kinh tế nhựa Việt Nam

Nguồn: Tổng hợp từ UNEP, World Bank và tài liệu Bộ Công Thương [2], [5], [11], [20].



Hình 2. Khung phân tích tác động của Thỏa thuận toàn cầu về ô nhiễm nhựa đối với Việt Nam

Nguồn: Nhóm tác giả xây dựng trên cơ sở tài liệu UNEP/INC

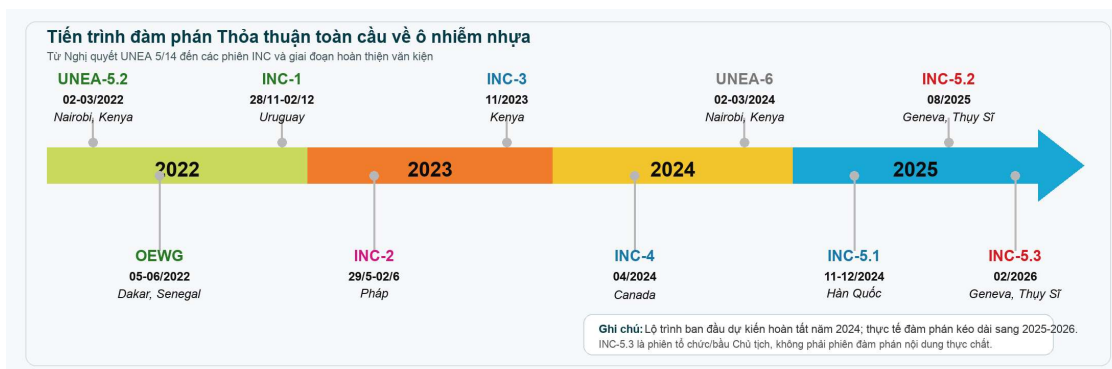
2. DIỄN BIẾN ĐÀM PHÁN VÀ HÀM Ý KINH TẾ - XÃ HỘI ĐỐI VỚI VIỆT NAM

2.1. Diễn biến đàm phán Thỏa thuận toàn cầu về ô nhiễm nhựa

Tiến trình INC thể hiện sự chuyển dịch từ thảo luận nguyên tắc sang đàm phán văn bản cụ thể. INC-1 đặt nền tảng về tổ chức và phạm vi đàm phán; INC-2 chuyển trọng tâm sang tài liệu các lựa chọn và yêu cầu chuẩn bị Dự thảo số 0; INC-3 bắt đầu thảo luận dự thảo theo các nhóm liên hệ; INC-4 tiếp tục làm rõ các điều khoản còn khác biệt; INC-5 tại Busan được kỳ vọng hoàn tất văn kiện

nhưng chưa đạt đồng thuận; INC-5.2 tại Geneva tiếp tục đàm phán song vẫn chưa thống nhất văn kiện cuối cùng [10].

Điểm nổi bật của tiến trình là sự phân cực ngày càng rõ giữa nhóm ủng hộ cách tiếp cận toàn bộ vòng đời với mức độ ràng buộc cao và nhóm ưu tiên linh hoạt quốc gia, tập trung nhiều hơn vào quản lý chất thải. Các nội dung gây khác biệt gồm sản xuất polymer nguyên sinh, danh mục sản phẩm nhựa có vấn đề, hóa chất đáng quan ngại, yêu cầu thiết kế toàn cầu, cơ chế tài chính mới, chuyển giao công nghệ và cơ chế tuân thủ [18].



Hình 3. Tiến trình đàm phán Thỏa thuận toàn cầu về ô nhiễm nhựa

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp, cập nhật từ tài liệu UNEP/INC và báo cáo đoàn Việt Nam [5]-[10].

Bảng 1. Tóm tắt diễn biến và kết quả chính của các phiên INC

Phiên	Thời gian/địa điểm	Trọng tâm thảo luận	Kết quả nổi bật
INC-1	28/11-02/12/2022, Uruguay	Khởi động tiến trình, tổ chức công việc, phạm vi	Đặt nền móng cho đàm phán nhưng còn khác biệt về thủ tục
INC-2	29/5-02/6/2023, Pháp	Options Paper, quy tắc thủ tục, cấu trúc nghĩa vụ	Yêu cầu chuẩn bị Dự thảo số 0
INC-3	13-19/11/2023, Kenya	Dự thảo số 0, nhóm liên hệ	Hình thành rõ các trục khác biệt chính
INC-4	23-29/4/2024, Canada	Văn bản sửa đổi, nhóm nội dung cốt lõi	Thu hẹp một số nội dung kỹ thuật nhưng vấn đề cốt lõi vẫn phân cực
INC-5.1	25/11-01/12/2024, Hàn Quốc	Dự kiến hoàn tất văn kiện	Không đạt thỏa thuận, tiếp tục phiên nối tiếp
INC-5.2	05-15/8/2025, Thụy Sĩ	Đàm phán tiếp nối	Chưa đạt đồng thuận về văn kiện cuối cùng
INC-5.3	07/02/2026, Thụy Sĩ	Nội dung tổ chức	Bầu Chủ tịch, không phải phiên đàm phán nội dung thực chất

Nguồn: Tổng hợp từ UNEP và báo cáo đoàn Việt Nam [5]-[10].

2.2. Các nội dung chính sách cốt lõi đang được đàm phán

Các nội dung chính sách của Thỏa thuận đang xoay quanh quản lý toàn bộ vòng đời nhựa. Nhóm nội dung thượng nguồn liên quan đến polymer nhựa nguyên sinh, hóa chất và polymer đáng quan ngại, sản phẩm nhựa có vấn đề và vi nhựa. Nhóm trung nguồn liên quan đến thiết kế sản phẩm, giảm thiểu, tái sử dụng, sửa chữa, tái nạp đầy, hàm lượng tái sinh và EPR. Nhóm hạ nguồn liên quan đến thu gom, phân loại, tái chế, xử lý chất thải, ô nhiễm nhựa hiện hữu và vận chuyển xuyên biên giới chất thải nhựa [5].

Tài liệu trình bày tại INC-2 về định hướng xây dựng một Thỏa thuận hiệu quả cũng nhấn mạnh yêu cầu chuyển từ tầm nhìn tham vọng sang các điều khoản cụ thể. Theo cách tiếp cận này, văn

kiện cần có các biện pháp toàn cầu mang tính ràng buộc đối với toàn bộ vòng đời nhựa; phân nhóm và ưu tiên các sản phẩm nhựa có rủi ro cao để thiết kế biện pháp kiểm soát phù hợp; đồng thời gắn nghĩa vụ với phương thức thực hiện, đặc biệt là hỗ trợ tài chính, tăng cường năng lực và hỗ trợ kỹ thuật [19].

Bên cạnh nhóm nghĩa vụ vật chất, Thỏa thuận còn có các nội dung phương thức thực hiện gồm kế hoạch hành động quốc gia, báo cáo quốc gia, giám sát, minh bạch dữ liệu, cơ chế tài chính, chuyển giao công nghệ, tăng cường năng lực, hỗ trợ kỹ thuật và chuyển đổi công bằng. Đây là các nội dung có ý nghĩa đặc biệt đối với các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam, vì khả năng thực thi phụ thuộc lớn vào nguồn lực, công nghệ và năng lực thể chế [5].

Bảng 2. Nhóm nội dung chính sách dự kiến và hàm ý đối với Việt Nam

Nhóm nội dung	Ý nghĩa chính sách	Hàm ý đối với Việt Nam
Sản xuất và polymer nguyên sinh	Tác động đến phạm vi điều chỉnh của Thỏa thuận	Cần đánh giá tác động đến ngành nhựa, nhập khẩu nguyên liệu và công nghiệp phụ trợ

Sản phẩm nhựa, hóa chất, vi nhựa	Đặt yêu cầu về danh mục, tiêu chuẩn và kiểm soát rủi ro	Cần năng lực kiểm nghiệm, tiêu chuẩn sản phẩm và dữ liệu hóa chất
Thiết kế, tái sử dụng, tái chế	Chuyển trọng tâm từ xử lý sang phòng ngừa	Cần tiêu chuẩn thiết kế, thị trường vật liệu tái sinh và mô hình tái sử dụng
EPR và quản lý chất thải	Tạo trách nhiệm tài chính và tổ chức thu hồi	Cần nâng cấp EPR, dữ liệu bao bì và năng lực tái chế
Tài chính, công nghệ, năng lực	Điều kiện thực thi của nước đang phát triển	Cần cơ chế huy động nguồn lực, chuyển giao công nghệ và hỗ trợ địa phương
Báo cáo, giám sát, tuân thủ	Tăng yêu cầu minh bạch và trách nhiệm giải trình	Cần cơ sở dữ liệu nhựa quốc gia và hệ thống MRV

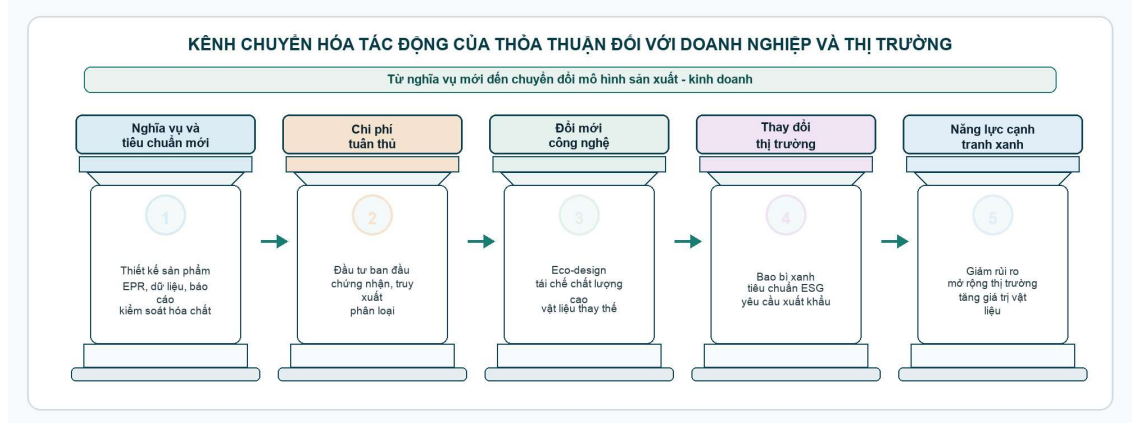
2.3. Cơ chế tác động kinh tế - xã hội đối với Việt Nam

Tác động kinh tế của Thỏa thuận đối với Việt Nam có thể xuất hiện qua bốn kênh chính: chi phí tuân thủ của doanh nghiệp; tác động đến thương mại và xuất khẩu; cơ hội phát triển thị trường tái chế, vật liệu thứ cấp và dịch vụ môi trường; và tác động đến đầu tư xanh, đổi mới công nghệ [11].

Tác động xã hội thể hiện ở thay đổi việc làm, sức khỏe cộng đồng, hành vi tiêu dùng và sinh kế của khu vực phi chính thức. Khi phân loại tại nguồn, EPR và tái chế được mở rộng, nhu cầu lao động trong thu gom, phân loại, tái chế và kiểm

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp từ tài liệu INC [5], [10]. soát chất lượng có thể tăng lên. Tuy nhiên, nếu chính sách không tích hợp khu vực thu gom phi chính thức, một bộ phận lao động dễ bị tổn thương có thể chịu tác động tiêu cực [12].

Tác động môi trường được kỳ vọng theo hướng tích cực nếu các nghĩa vụ được thiết kế và thực thi đầy đủ. Giảm nhựa dùng một lần, mở rộng tái sử dụng, cải thiện thu gom - phân loại, nâng cao tỷ lệ tái chế và kiểm soát rò rỉ có thể giảm áp lực lên sông, biển, đất và không khí. Tuy nhiên, việc lựa chọn giải pháp cần dựa trên đánh giá vòng đời nhằm hạn chế phát sinh tác động môi trường thứ cấp [2].



Hình 4. Kênh chuyển hóa tác động của Thỏa thuận đối với doanh nghiệp và thị trường

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp từ phân tích tác động và các tài liệu [11]-[16].

Bảng 3. Cơ sở thực tiễn và hàm ý chính sách đối với Việt Nam

Chỉ dấu thực tiễn	Cơ sở số liệu	Hàm ý chính sách
Quy mô chất thải nhựa toàn cầu tăng nhanh	Khoảng 400 triệu tấn chất thải nhựa năm 2024; có thể đạt khoảng 1,2 tỷ tấn năm 2060 nếu không hành động	Thỏa thuận cần hướng tới giảm phát sinh, thiết kế lại và kinh tế tuần hoàn, không chỉ tăng xử lý cuối vòng đời
Tỷ lệ tái chế toàn cầu còn thấp	Chỉ khoảng 9% nhựa được tái chế cơ học	Cần kết hợp giảm nhựa không cần thiết, tái sử dụng, thiết kế cho tái chế và phát triển thị trường vật liệu tái sinh
Ngành nhựa Việt Nam có quy mô doanh nghiệp đáng kể	Khoảng 3.300 doanh nghiệp và hơn 250.000 lao động trong lĩnh vực nhựa	Chính sách thực thi cần đánh giá tác động đến doanh nghiệp, thương mại, việc làm và năng lực chuyển đổi
Sản phẩm nhựa Việt Nam gần với thị trường quốc tế	Sản phẩm nhựa xuất khẩu sang 146 thị trường, gồm Hoa Kỳ, Nhật Bản, ASEAN và EU	Cần chuẩn bị tiêu chuẩn bao bì, truy xuất, EPR và yêu cầu thị trường xanh

Nguồn: Tổng hợp từ UNEP, World Bank và tài liệu Bộ Công Thương [2], [5], [11], [20].

Bảng 4. Ma trận tác động của Thỏa thuận đối với Việt Nam

Lĩnh vực	Cơ hội	Thách thức	Mức độ tác động
Doanh nghiệp nhựa và bao bì	Đổi mới thiết kế, tiếp cận chuỗi cung ứng xanh	Chi phí tuân thủ, công nghệ, dữ liệu	Rất cao
Doanh nghiệp tái chế	Mở rộng thị trường vật liệu thứ cấp	Nguồn đầu vào chưa ổn định, yêu cầu chứng nhận	Rất cao
Thương mại và xuất khẩu	Nâng tiêu chuẩn sản phẩm và bao bì	Rào cản kỹ thuật, chi phí chuyển đổi	Cao
Địa phương	Cải thiện quản lý chất thải nhựa	Hạn chế tài chính, hạ tầng, nhân lực	Cao
Khu vực phi chính thức	Cơ hội tích hợp vào chuỗi thu gom chính thức	Rủi ro mất sinh kế nếu thiếu chính sách chuyển đổi	Cao
Người tiêu dùng	Sản phẩm xanh, môi trường sống tốt hơn	Thay đổi thói quen và có thể tăng chi phí ngắn hạn	Trung bình - cao
Thể chế quản lý	Nâng cấp dữ liệu, EPR, phối hợp liên ngành	Yêu cầu báo cáo và giám sát phức tạp hơn	Rất cao

Nguồn: Nhóm tác giả phân tích và các nguồn [11]-[16].

2.4. Mức độ sẵn sàng và khoảng trống thực thi của Việt Nam

Việt Nam có một số nền tảng thuận lợi để chuẩn bị thực thi Thỏa thuận. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đã đưa vào các quy định quan

trọng về phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, kinh tế tuần hoàn và trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP tiếp tục cụ thể hóa nhiều nội dung về EPR và quản lý chất thải [13].

Tuy nhiên, mức độ sẵn sàng chưa đồng đều. Khoảng trống nổi bật gồm thiếu cơ sở dữ liệu thống nhất về dòng nhựa; tiêu chuẩn thiết kế sinh thái và vật liệu tái sinh chưa hoàn thiện; hệ thống phân loại, thu gom, tái chế còn phân tán; cơ chế tài chính cho chuyển đổi chưa đủ mạnh; năng lực địa phương không đồng đều; và phối hợp liên ngành còn cần được củng cố [11].

Nhóm năng lực	1	2	3	4	5	Đánh giá
Pháp luật và chính sách						Trung bình - cao
EPR và công cụ kinh tế						Trung bình
Dữ liệu vòng đời nhựa						Trung bình - thấp
Thiết kế, tiêu chuẩn, chứng nhận						Trung bình
Thu gom - phân loại - tái chế						Trung bình
Tài chính và chuyển giao công nghệ						Trung bình
Chuyển đổi công bằng						Thấp - trung bình

Hình 5. Đánh giá tương đối mức độ sẵn sàng của Việt Nam theo nhóm năng lực thực thi
 Nguồn: Nhóm tác giả lượng hóa định tính trên cơ sở pháp luật Việt Nam và các nguồn [11]-[16].

Bảng 5. Đánh giá mức độ sẵn sàng của Việt Nam theo nhóm yêu cầu thực thi

Nhóm yêu cầu	Nền tảng hiện có	Khoảng trống chính	Mức sẵn sàng
Pháp luật và chính sách	Luật BVMT 2020, EPR, kinh tế tuần hoàn	Cần cập nhật theo nghĩa vụ Thỏa thuận	Trung bình - cao
Dữ liệu nhựa	Có dữ liệu môi trường và chất thải phân tán	Thiếu cơ sở dữ liệu vòng đời nhựa	Trung bình - thấp
Thiết kế và tiêu chuẩn	Một số tiêu chuẩn sản phẩm, môi trường	Thiếu tiêu chí eco-design và vật liệu tái sinh	Trung bình
Thu gom - tái chế	Có hệ thống thu gom và khu vực tái chế đang phát triển	Thiếu phân loại ổn định, công nghệ và chứng nhận	Trung bình
Tài chính và công nghệ	Có NSNN, EPR, hợp tác quốc tế	Nguồn lực chưa đủ lớn, thiếu cơ chế tích hợp	Trung bình
Chuyển đổi công bằng	Có chính sách an sinh và lao động chung	Chưa có cơ chế riêng cho khu vực phi chính thức	Thấp - trung bình

Nguồn: Nhóm tác giả đánh giá từ văn bản pháp luật Việt Nam [13]-[16].

2.5. Hàm ý chính sách đối với Việt Nam

Về đàm phán, Việt Nam cần duy trì lập trường cân bằng: ủng hộ mục tiêu chấm dứt ô nhiễm nhựa và cách tiếp cận vòng đời, đồng thời nhấn mạnh nguyên tắc công bằng, phù hợp năng lực quốc gia, hỗ trợ tài chính, chuyển giao công nghệ và tăng cường năng lực. Đây là điều kiện để Thỏa thuận vừa bảo đảm tham vọng môi trường, vừa có tính khả thi đối với các nước đang phát triển.

Về chuẩn bị trong nước, cần chủ động rà soát và nội luật hóa các yêu cầu dự kiến của Thỏa thuận. Các nội dung ưu tiên gồm xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về nhựa; hoàn thiện tiêu chuẩn thiết kế, vật liệu tái sinh và kiểm soát hóa chất; nâng cấp EPR; phát triển thị trường tái chế; tích hợp khu vực phi chính thức; và xây dựng cơ chế báo cáo, giám sát, MRV phù hợp với yêu cầu quốc tế.

Về định hướng phát triển, Thỏa thuận cần được nhìn nhận như một động lực chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Nếu chuẩn bị sớm, Việt Nam có thể nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, phát triển công nghiệp tái chế, thu hút tài chính xanh, thúc đẩy đổi mới công nghệ và giảm rủi ro môi trường trong dài hạn. Ngược lại, sự chậm trễ trong chuẩn bị có thể làm gia tăng chi phí tuân thủ và hạn chế khả năng tiếp cận các thị trường xanh.

3. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

3.1. Kết luận

Thỏa thuận toàn cầu về ô nhiễm nhựa đánh dấu bước chuyển quan trọng trong quản trị môi trường quốc tế: từ quản lý rác thải nhựa sau tiêu dùng sang quản lý toàn bộ vòng đời nhựa. Tiến trình đàm phán đã làm rõ nhiều nhóm nghĩa vụ dự kiến, đồng thời bộc lộ các khác biệt sâu sắc về phạm vi, mức độ ràng buộc, sản xuất polymer nguyên sinh, sản phẩm nhựa có vấn đề, hóa chất, tài chính và chuyển giao công nghệ.

Đối với Việt Nam, Thỏa thuận vừa tạo áp lực tuân thủ, vừa mở ra cơ hội chuyển đổi. Tác động kinh tế - xã hội có thể xuất hiện trên nhiều bình

diện: doanh nghiệp, thương mại, việc làm, sức khỏe, hành vi tiêu dùng, khu vực phi chính thức, hạ tầng tái chế, tài chính và thể chế quản lý. Mức độ tác động sẽ phụ thuộc lớn vào năng lực chuẩn bị chính sách trong nước và khả năng huy động nguồn lực thực thi.

3.2. Kiến nghị

Thứ nhất, cần xây dựng kế hoạch chuẩn bị thực thi Thỏa thuận theo cách tiếp cận vòng đời nhựa, trong đó xác định rõ nhiệm vụ về pháp luật, dữ liệu, tiêu chuẩn, EPR, tài chính, công nghệ và truyền thông.

Thứ hai, cần thiết lập cơ sở dữ liệu quốc gia về nhựa, bao gồm thông tin về sản xuất, nhập khẩu, tiêu dùng, bao bì, chất thải, tái chế, thất thoát và trách nhiệm EPR. Dữ liệu là điều kiện tiên quyết để thực hiện báo cáo quốc gia và đánh giá hiệu quả thực thi.

Thứ ba, cần nâng cấp cơ chế EPR theo hướng minh bạch, có kiểm toán, gắn với thiết kế sản phẩm và khả năng tái chế thực tế. EPR cần trở thành công cụ tài chính - kỹ thuật thúc đẩy thị trường tái chế, thay vì chỉ được hiểu như nghĩa vụ đóng góp.

Thứ tư, cần ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp tái chế, địa phương và khu vực phi chính thức trong quá trình chuyển đổi. Đây là điều kiện để giảm chi phí xã hội và bảo đảm chuyển đổi công bằng.

Thứ năm, Việt Nam cần tiếp tục chủ động tham gia đàm phán quốc tế, phối hợp với các nhóm nước có cùng lợi ích, đồng thời chuẩn bị phương án nội luật hóa linh hoạt nhằm hạn chế bị động khi Thỏa thuận được thông qua.

3.3. Định hướng nghiên cứu tiếp theo

Các nghiên cứu tiếp theo cần lượng hóa sâu hơn chi phí - lợi ích của từng nhóm nghĩa vụ dự kiến, đánh giá tác động theo ngành hàng, theo nhóm doanh nghiệp và theo địa phương, đồng thời xây dựng mô hình dữ liệu dòng nhựa phục vụ MRV và báo cáo quốc gia.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu được hoàn thành với sự hỗ trợ của Đề tài “Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn đề xuất giải pháp thực thi Thỏa thuận toàn cầu về ô nhiễm nhựa”, mã số: TNMT.ĐL.2025.04.03.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] OECD (2022), *Global Plastics Outlook: Economic Drivers, Environmental Impacts and Policy Options*, OECD Publishing, Paris.
- [2] UNEP (2023), *Turning off the Tap: How the world can end plastic pollution and create a circular economy*, United Nations Environment Programme, Nairobi.
- [3] United Nations Environment Assembly (2022), *Resolution 5/14 End plastic pollution: towards an international legally binding instrument*, Nairobi.
- [4] UNEP (2022), *Report of the ad hoc open-ended working group to prepare for the intergovernmental negotiating committee to develop an international legally binding instrument on plastic pollution*, UNEP/PP/INC.1/INF/2.
- [5] UNEP (2023-2026), *Official documents of the Intergovernmental Negotiating Committee on Plastic Pollution*, INC-1 to INC-5.3.
- [6] Bộ Tài nguyên và Môi trường (2023), *Báo cáo Hội nghị đàm phán liên Chính phủ lần thứ hai (INC-2) đàm phán Thỏa thuận toàn cầu về ô nhiễm nhựa*.
- [7] Bộ Tài nguyên và Môi trường (2023), *Báo cáo kết quả Hội nghị đàm phán liên Chính phủ lần thứ ba (INC-3) đàm phán Thỏa thuận toàn cầu về ô nhiễm nhựa*.
- [8] Bộ Tài nguyên và Môi trường (2024), *Báo cáo kết quả Hội nghị đàm phán liên Chính phủ lần thứ tư (INC-4) về Thỏa thuận toàn cầu về ô nhiễm nhựa*.
- [9] Bộ Tài nguyên và Môi trường (2025), *Báo cáo kết quả Đoàn đàm phán INC-5*.
- [10] Bộ Tài nguyên và Môi trường (2025), *Báo cáo kết thúc Hội nghị INC-5.2*.
- [11] World Bank (2021), *Market Study for Vietnam: Plastics Circularity Opportunities and Barriers*, World Bank, Washington, DC.
- [12] World Bank (2022), *Vietnam: Plastic Pollution Diagnostics*, World Bank, Washington, DC.
- [13] Quốc hội (2020), *Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14*, Hà Nội.
- [14] Chính phủ (2022), *Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường*, Hà Nội.
- [15] Thủ tướng Chính phủ (2019), *Quyết định số 1746/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030*, Hà Nội.
- [16] Thủ tướng Chính phủ (2022), *Quyết định số 687/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam*, Hà Nội.
- [17] Secretariat of the Basel Convention (2023), *Technical guidelines on the environmentally sound management of plastic wastes*, Geneva.
- [18] International Institute for Sustainable Development (2025), *Summary and analysis of the resumed fifth session of the INC on plastic pollution*, Earth Negotiations Bulletin.
- [19] Vu Dinh Hieu (2023), *Towards an Effective Treaty to End Plastic Pollution*, presentation at the second session of the Intergovernmental Negotiating Committee, Vietnam Institute of Seas and Islands, Ministry of Natural Resources and Environment.
- [20] Bộ Công Thương (2023), *Ngành nhựa của Việt Nam đối với Thỏa thuận toàn cầu về ô nhiễm nhựa, tài liệu trình bày Hội thảo ngày 11/8/2023*.
- [21] Đề tài “Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn đề xuất giải pháp thực thi Thỏa thuận toàn cầu về ô nhiễm nhựa”, mã số: TNMT.ĐL.2025.04.03.

